

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TMT24B2**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2454801020675	Nguyễn Lê Hoàng Gia	Bảo	19/11/2008				10	8.0	9.0	9.0	9.0	8.0		8.4
2	2454801020676	Nguyễn Đức	Duy	11/06/2009				8	7.0	6.0	7.0	7.0	0.0		2.8
3	2454801020677	Trần Quốc	Đạt	26/09/2009				7	6.0	5.0	5.0	8.0	5.8		5.9
4	2454801020678	Nguyễn Phan Hải	Đăng	07/01/2009				5	6.0	5.0	5.0	7.0	8.3		7.2
5	2454801020679	Huỳnh Thanh	Hiếu	23/10/2009				5	6.0	6.0	4.0	4.0	7.0		6.2
6	2454801020680	Nguyễn Xuân	Huy	28/10/2009				10	7.0	7.0	8.0	7.0	8.0		7.8
7	2454801020682	Trần Đào Minh	Khang	28/04/2009				10	9.0	9.0	9.0	9.0	5.8		7.1
8	2454801020683	Bành Anh	Khoa	17/03/2009				9	8.0	0.0	0.0	0.0	CT		1.1
9	2454801020684	Trần Trung	Kiên	31/12/2009				2	7.0	6.0	6.0	5.0	2.5		3.7
10	2454801020685	Ab Doula Sa	Lam	29/09/2009				10	7.0	6.0	7.0	7.0	7.0		7.0
11	2454801020686	Du Hoàng	Lực	13/10/2009				10	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0		8.7
12	2454801020687	Ha Sal Pha Ha	My	21/04/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
13	2454801020688	Duy Hoàng	Nam	30/11/2009				10	8.0	8.0	9.0	8.0	8.5		8.5
14	2454801020689	Nguyễn Quốc	Nam	09/05/2009				2	6.0	6.0	6.0	7.0	8.3		7.3
15	2454801020690	Nguyễn Văn	Nam	11/09/2009				7	7.0	7.0	0.0	0.0	CT		1.6
16	2454801020692	Nguyễn Phúc	Nguyên	07/02/2009				8	7.0	7.0	7.0	8.0	0.0		2.9
17	2454801020693	Thái Công	Nguyên	28/10/2009				7	6.0	5.0	7.0	5.0	7.8		7.0
18	2454801020694	Lê Quang	Nhật	19/10/2009				10	7.0	7.0	7.0	8.0	6.0		6.6
19	2454801020695	Nguyễn Chế Minh	Phát	24/05/2009				10	8.0	8.0	8.0	8.0	6.0		6.9
20	2454801020696	Trần Minh	Phúc	07/11/2008				7	6.0	6.0	6.0	5.0	7.5		6.9
21	2454801020697	Mohamad	Saléh	21/10/2007				10	6.0	6.0	6.0	6.0	8.0		7.4
22	2454801020698	Lê Hoàng	Sang	04/04/2002				9	6.0	5.0	6.0	8.0	8.0		7.4
23	2454801020699	Nguyễn Tiến	Sang	01/05/2009				10	8.0	8.0	9.0	8.0	8.0		8.2
24	2454801020700	Đỗ Nguyễn Việt	Thanh	28/03/2009				4	6.0	4.0	6.0	6.0	6.0		5.7
25	2454801020701	Huỳnh Quốc	Thạo	07/09/2009				8	8.0	6.0	5.0	4.0	8.3		7.4
26	2454801020702	Nguyễn Lê	Thông	24/06/2009				9	6.0	6.0	7.0	7.0	6.0		6.3
27	2454801020703	Nguyễn Huỳnh Chí	Tinh	07/09/2008				9	7.0	5.0	5.0	5.0	5.0		5.4
28	2454801020704	Hồ Khai	Trí	03/05/2009				0	0.0	0.0	0.0	0.0	CT		0.0
29	2454801020705	Vương Quan	Trí	12/11/2009				10	8.0	6.0	6.0	7.0	5.3		6.0
30	2454801020706	Đặng Minh	Triết	15/01/2008				5	6.0	5.0	6.0	4.0	3.5		4.2
31	2454801020707	Lý Thiên	Tuấn	28/06/2009				10	7.0	8.0	8.0	8.0	5.5		6.5
32	2454801020708	Võ Thanh	Văn	25/12/2009				10	8.0	8.0	9.0	9.0	6.0		7.1
33	2454801020709	Nguyễn Quang	Vinh	26/01/2009				6	6.0	5.0	6.0	0.0	CT		1.8

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 30 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trịnh Bửu Uyển